TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 389/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 512/2023/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1989; cư trú: Số nhà C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ A, KDC ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1983; cư trú: Số nhà C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Tuyết M trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T do tự tìm hiểu yêu thương, được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông T còn ăn chơi, có hành vi bạo lực gia đình, khi đi nhậu về thì đánh bà vô cớ và không phụ giúp bà về kinh tế để nuôi con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống tại khu dân cư ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang từ năm 2021 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, ông T không một lần tới lui thăm nom con chung và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà có thông tin với ông T về việc nộp đơn ly hôn, ông T cũng không có ý kiến gì. Cha mẹ hai bên do đã lớn tuổi nên để cho con cái tự quyết định. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 18/7/2013. Hiện cháu N đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông T vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 24/10/2023, người thân bà M cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M, ông T là do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, không phụ giúp tiền bạc cho bà M nuôi con, ông T còn có hành vi bạo lực gia đình, cả hai ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân thì ông T bỏ mặc vợ con và không tới lui hàn gắn; về con chung thì có 01 con chung, hiện do bà M nuôi dạy; tài sản chung, nợ chung thì ông không biết.

Biên bản xác minh ngày 02/11/2023, ông Nguyễn Công H - Trưởng ấp V, xã V, huyện A cung cấp: Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1983 vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Biên bản Về việc Không làm việc được với đương sự ngày 02/11/2023, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Công H - Trưởng ấp V, xã V, huyện A cho thấy Tòa án có đến nhà của ông Ngô Văn T để ghi lời khai về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M nhưng ông T không có ở nhà nên không thể ghi lời khai được. Tuy nhiên, có cha ruột ông T là ông Ngô Văn B, sinh năm 1951 ở nhà xác định ông T biết việc bà M xin ly hôn nhưng không về.

Tại phiên toà: Bà M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà M, ông T có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng

hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Con chung có nguyện vọng tiếp tục sống với bà M, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao con chung cho bà M được tiếp tục nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông T do tự tìm hiểu yêu thương tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 29/4/2009 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông T Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M, ông T phát sinh từ lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, mâu thuẫn tình cảm ngày một trầm trọng và cả hai sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc con chung cho bà M nuôi dạy, không tới lui chăm sóc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông T vắng mặt, bà M vẫn cương quyết ly hôn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này là phù hợp với lời trình bày của người thân trong gia đình bà M, ông T nên yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 18/7/2013. Hiện cháu N đang sống với bà M. Xét thấy, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà M. Do đó, để cháu N ổn định về mặt tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung bà M nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà M xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà M phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M .

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết M được ly hôn với ông Ngô Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68/HT, quyển số 01/2009 ngày 29/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dạy 01 (một) con chung tên Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 18/7/2013.

Công nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà M. Ngược lại, bà M và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0008530 ngày 06/10/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang